

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CẤP BẬC NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TRONG HỆ THỐNG ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN XÂY DỰNG PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

CURRENT SITUATION AND DIRECTION FOR PERFECTING THE PROVISIONS ON CONSTRUCTION LABOR GRADING UNDER THE CONSTRUCTION COST NORMS SYSTEM IN CONFORMITY WITH THE LABOR MARKET

PHẠM HUY CƯỜNG¹, VŨ NGỌC PHƯƠNG¹

Tóm tắt: Hệ thống định mức xây dựng hiện hành đóng vai trò là công cụ quan trọng phục vụ việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Mặt khác, hệ thống định mức còn có ý nghĩa để tham khảo trong quá trình xác định cũng như quản lý chi phí của các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài đầu tư công và các dự án sử dụng vốn khác. Từ kết quả tổng kết, đánh giá việc áp dụng định mức cho thấy hệ thống định mức vẫn còn bộc lộ một số bất cập như: hao phí định mức của một số công tác chưa đáp ứng yêu cầu đủ chi phí để thực hiện; hao phí định mức chưa thực sự phản ánh công nghệ thi công, biện pháp thi công có tính chất phổ biến; định mức chưa phản ánh yếu tố thay đổi về khối lượng thực hiện; một số định mức chưa quy định rõ ràng điều kiện áp dụng; cấp bậc thợ trong định mức còn bất cập. Trong các bất cập của hệ thống định mức hiện hành, bất cập của việc quy định cấp bậc thợ trong định mức là một trong những bất cập lớn đòi hỏi phải có giải pháp để khắc phục do vai trò của cấp bậc thợ trong định mức có liên quan mật thiết với chi phí của công trình. Bài viết nghiên cứu đánh giá thực trạng quy định, sử dụng cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng và đề xuất một số định hướng hoàn thiện cấp bậc thợ phù hợp thị trường.

Từ khóa: Hệ thống định mức xây dựng, cấp bậc thợ, thị trường lao động.

Abstract: The current construction norm system plays an important role as a key tool for determining and managing investment costs of public investment projects, thereby contributing to improving the efficiency of capital use. At the same time, the norm system also serves as a reference in determining and managing costs of projects using non-public investment capital and other sources of funding. Based on the review and evaluation of the application of norms, it has been found that the system still reveals a number of shortcomings, such as: certain unit cost allowances do not adequately cover the expenses required for implementation; the cost norms do not fully reflect commonly used construction technologies and methods; the norms fail to account for changes in executed quantities; some norms do not clearly specify the conditions for application; and the classification of worker skill grades in the norms remains problematic. Among these shortcomings, the inadequacy in regulating worker skill grades within the norms is one of the major issues that needs to be addressed, as skill grades are closely linked to project costs. This paper examines and assesses the current regulations and practices on worker skill grades in the construction norm system and proposes directions for improving the skill grade framework in line with the labor market.

Keywords: Construction norm system, worker skill grades, labor market.

(Ngày nhận bài: 08/9/2025, ngày sửa bài: 15/9/2025, ngày duyệt đăng: 18/9/2025)

Trong nhiều năm qua, hệ thống định mức xây dựng hiện hành là kết quả của cả một quá trình tổ chức xây dựng và hoàn thiện định mức.

Hệ thống định mức xây dựng cơ bản đã đáp ứng mục tiêu là công cụ hữu ích phục vụ việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử

dụng vốn đầu tư công, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Mặt khác, hệ thống định mức xây dựng còn có ý nghĩa để tham khảo trong

¹ThS, Phòng Nghiên cứu Giá và thị trường xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng



quá trình xác định cũng như quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng vốn ngoài vốn đầu tư công và các dự án sử dụng vốn khác.

Mặc dù vậy, từ kết quả tổng kết, đánh giá việc áp dụng định mức xây dựng cho thấy hệ thống định mức xây dựng vẫn còn bộc lộ một số bất cập như: hao phí định mức của một số công tác xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu đủ chi phí để thực hiện; hao phí định mức chưa thực sự phản ánh công nghệ thi công, biện pháp thi công có tính chất phổ biến; định mức chưa phản ánh yếu tố thay đổi về khối lượng thực hiện; một số định mức chưa quy định rõ ràng điều kiện áp dụng; cấp bậc thợ trong định mức còn bất cập. Trong các bất cập của hệ thống định mức hiện hành, bất cập của việc quy định cấp thợ trong định mức là một trong những bất cập lớn đòi hỏi phải có giải pháp để khắc phục do vai trò của cấp bậc thợ trong định mức có liên quan mật thiết với chi phí của công trình. Cấp bậc thợ trong định mức được hiểu là cấp bậc thợ sử dụng để tính toán chi phí có tính chất "đầu vào" của công trình, có mối quan hệ chặt chẽ với việc xác định hao phí nhân công định mức và với các quy định có liên quan đến tiền lương nhân công xây dựng.

1. Thực trạng quy định về hệ thống tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật ngành xây dựng

Chế độ cấp bậc lương gồm 03 nhân tố cơ bản: mức lương, bảng số cấp bậc lương, tiêu chuẩn kỹ thuật. Tiêu chuẩn kỹ thuật là một trong ba nhân tố cơ bản của chế độ cấp bậc lương. Tiêu chuẩn kỹ thuật xác định cấp bậc việc làm, đồng thời xác định cấp bậc lương cho công nhân theo trình độ thành thạo về nghề nghiệp tương ứng với mặt bằng trình độ và phù hợp thị trường. Theo đó, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật có quan hệ mật thiết đến biểu cấp bậc thợ và tiền lương.

Về nguyên tắc để xác định được bậc công tác và trình độ thành thạo của công nhân (cấp bậc thợ) phải thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật. Đối với công nhân, tiêu chuẩn kỹ thuật là cái thước đo, phải phản ánh được đầy đủ về kiến thức (hiểu biết) và kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời nó xác

định được trình độ tinh vi, chính xác và phức tạp của mỗi nghề. Đối với sản xuất tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành xây dựng phải thể hiện được đầy đủ đặc điểm, tính chất và yêu cầu về trình độ kỹ thuật sản xuất xây dựng ở trình độ công nghệ và quản lý xây dựng thực tế hiện tại. Đối với ngành xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành nhiều hay ít bậc phải căn cứ vào trình độ kỹ thuật, của nghề nghiệp mà xây dựng từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ giản đơn đến phức tạp chính xác, nghĩa là, từ người thợ mới bước vào sản xuất (trừ học việc và phụ việc) đến người thợ giỏi nhất. Tiêu chuẩn kỹ thuật phải quy định cụ thể và rõ ràng về nội dung (hiểu biết và làm được) làm cho công nhân dễ lĩnh hội tránh tình trạng quy định chung chung rất khó cho việc vận dụng sắp xếp và khảo sát trình độ nghề nghiệp của công nhân. Tiêu chuẩn kỹ thuật giữa bậc trên và bậc dưới phải có sự phân biệt rõ rệt trình độ hiểu biết về kỹ thuật và thực hành để đãi ngộ theo đúng khả năng lao động.

- Giai đoạn trước năm 2010, khi nhà nước chưa có quy định về quy định nguyên tắc, quy trình xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia thì tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật xây dựng thực hiện theo Quyết định số 163/BXD-KHCN ngày 08/4/1997 của Bộ Xây dựng. Theo đó:

+ Công nhân bậc 2 ÷ 7: Công nhân nề hoàn thiện; Công nhân mộc (tay, máy); Công nhân lắp đặt thiết bị cơ khí; Công nhân lắp đặt thiết bị điện; Công nhân lắp đặt ống công nghệ.

+ Công nhân bậc 3 ÷ 7: Công nhân vận hành ô tô cần trục; Công nhân vận hành máy làm đất (ùì, san, cạp); Công nhân vận hành máy xúc đào; Công nhân vận hành máy đóng cọc.

+ Công nhân bậc 2 ÷ 5: Công nhân bê tông; Công nhân cốt thép; Công nhân sơn vôi.

+ Công nhân bậc 3 ÷ 6: Công nhân vận hành tổ hợp một số máy xây dựng; Công nhân vận hành cần trục tháp.

- Sau khi có Quyết định số 09/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định nguyên tắc, quy trình xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc

gia, Bộ Xây dựng đã ban hành 04 Thông tư quy định về Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng, cụ thể:

+ Thông tư 03/2010/TT-BXD: ban hành kèm theo Thông tư này Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với 10 nghề thuộc nhóm nghề xây dựng (5 bậc: 1;2;3;4 và 5); gồm: Nề - Hoàn thiện; Cốp pha - Giàn giáo; Cốt thép - Hàn; Bê tông; Sản xuất gốm thô; Sản xuất gạch Ceramic; Sản xuất sứ vệ sinh; Sản xuất kính; Quản lý cây xanh đô thị và Chạm khắc đá.

+ Thông tư số 04/2011/TT-BXD: Ban hành kèm theo Thông tư này Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với 10 nghề thuộc lĩnh vực xây dựng (5 bậc: 1;2;3;4 và 5); gồm: Mộc xây dựng và Trang trí nội thất; Cấp nước; Thoát nước; Lắp đặt đường ống nước; Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ; Vận hành thiết bị sản xuất xi măng; Sửa chữa máy thi công xây dựng; Gia công lắp dựng kết cấu thép; Lắp đặt điện công trình; Quản lý khu đô thị.

+ Thông tư 05/2013/TT-BXD: Ban hành kèm theo Thông tư này "Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với các nghề (5 bậc: 1;2;3;4 và 5) : Vận hành Máy xây dựng (nhóm máy phục vụ thi công, gia công cốt liệu); Vận hành Nhà máy Xử lý chất thải rắn và Điện dân dụng.

+ Thông tư 13/2014/TT-BXD: Ban hành kèm theo Thông tư này Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với các nghề (5 bậc: 1;2;3;4 và 5): Kỹ thuật Sơn mài và Khảm trai; Khoan đào đường hầm; Phân tích Cơ lý - hóa xi măng.

Định hướng sử dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia, để làm công cụ giúp cho:

+ Người lao động định hướng phấn đấu nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng của bản thân thông qua việc học tập tích lũy kinh nghiệm trong quá trình làm việc để có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

+ Người sử dụng lao động có cơ sở để tuyển chọn lao động, bố trí công việc và trả lương hợp lý cho người lao động.

+ Các cơ sở dạy nghề có căn cứ để xây dựng chương trình dạy nghề tiếp cận chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia.

+ Cơ quan có thẩm quyền có căn

cứ để tổ chức thực hiện việc đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề Quốc gia cho người lao động.

Theo quy định tại Điều 32 Luật Việc làm năm 2013 thì: Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng theo từng bậc trình độ kỹ năng nghề cho mỗi nghề và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia. Số lượng bậc trình độ kỹ năng nghề phụ thuộc vào mức độ phức tạp của từng nghề. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm chủ trì xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề thuộc lĩnh vực quản lý và đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia thì danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động hoặc cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bao gồm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ (Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm, Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm).

Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia quy định khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia là khung phân loại các bậc trình độ kỹ năng nghề từ bậc 1 đến bậc 5 dựa trên sự mô tả theo các tiêu chí về: tính chất, mức độ của công việc phải thực hiện và phạm vi, tình huống thực hiện công việc; mức độ linh hoạt và sáng tạo trong thực hiện công việc; sự phối hợp và trách nhiệm trong thực hiện các công việc.

Như vậy, đối chiếu với quy định tại Luật Việc làm năm 2013 và Nghị định số 31/2015/NĐ-CP thì Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề thuộc lĩnh vực quản lý và đề nghị Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội thẩm định, công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại đối với một số danh mục nghề xây dựng nêu trên chưa được công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Công nghệ tổ chức và thi công xây dựng đang trong giai đoạn phát triển và tiến bộ, việc cập nhật các tiến bộ trong thiết kế, thi công xây dựng các công trình quy mô lớn, trình độ kỹ thuật phức tạp hiện được các chủ đầu tư, nhà tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng ứng dụng. Tuy nhiên, có thực trạng là trình độ kỹ thuật của công nhân thường tiến chậm hơn. Tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ sản xuất không cố định mãi, mà phải tùy theo sự phát triển về trình độ kỹ thuật sản xuất, trình độ tổ chức và thiết bị, máy thi công thay đổi cho phù hợp, khiến cho tiêu chuẩn kỹ thuật trong từng thời gian nhất định có tác dụng thúc đẩy kỹ thuật sản xuất và nâng cao không ngừng trình độ tinh thông nghề nghiệp, phát triển rộng rãi kiến thức của người công nhân.

2. Thực trạng việc sử dụng hệ thống cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng

Hệ thống định mức xây dựng hình thành từ những thập niên 1960-1970

của thế kỷ trước đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phục vụ xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng ở nước ta. Trong hệ thống định mức xây dựng thì cấp bậc thợ thể hiện tiêu chuẩn, yêu cầu trình độ tay nghề để hoàn thành công việc/công tác xây dựng. Một trong cơ sở để xác định hệ thống cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng là tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật ngành xây dựng.

Qua công tác thống kê cho thấy, Thông tư số 06-LĐTT ngày 07/4/1958 lần đầu tiên hướng dẫn việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật cho công nhân trong đó bao gồm cả công nhân ngành xây dựng. Theo đó, tiêu chuẩn kỹ thuật của công nhân thông thường quy định 8 bậc, có nghề thì 8 bậc, có nghề ít hơn, nhưng tối đa không quá 8 bậc; đối với ngành xây dựng cũng theo nguyên tắc đó. Định mức lao động trong xây dựng cơ bản số 726-UB/ĐM ngày 17/12/1965 của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước (Các định mức sửa đổi số 442-UB/KTXD ngày 9/6/1971, số 182-UB/KTXD ngày 29/3/1972) thì các công tác xây dựng được phân cấp bậc thợ căn cứ đặc điểm, tính chất của từng công tác. Cấp bậc công nhân được gắn với đơn giá tiền lương và hao phí nhân công theo từng bậc thợ.





Bảng 1. Cấp bậc thợ và thành phần công nhân của một số công tác xây dựng chủ yếu tại các tập định mức xây dựng giai đoạn trước năm 1982

TT	Tên công tác	Số bậc thợ	Thành phần công nhân
1	Đào móng công trình	4 bậc	Bậc 1: 1 người
			Bậc 2: 6 người
			Bậc 3: 4 người
			Bậc 4: 1 người
2	Đào khuôn đường	4 bậc	Bậc 1: 1 người
			Bậc 2: 6 người
			Bậc 3: 4 người
			Bậc 4: 1 người
3	Đắp đất	3 bậc	Bậc 1: 1 người
			Bậc 2: 1 người
			Bậc 3: 5 người
4	Làm mặt đường đá dăm	2 bậc	Bậc 2: 1 người
			Bậc 3: 2 người
5	Làm mặt đường nhựa	3 bậc	Bậc 1: 1 người
			Bậc 2: 1 người
			Bậc 3: 1 người
6	Xây móng	2 bậc	Bậc 3: 2 người
			Bậc 4: 1 người
7	Xây tường	3 bậc	Bậc 3: 2 người
			Bậc 4: 2 người
			Bậc 5: 1 người
8	Trát tường	2 bậc	Bậc 3: 1 người
			Bậc 4: 1 người
9	Trát trần nhà	2 bậc	Bậc 3: 1 người
			Bậc 4: 1 người
10	Lát gạch chi, gạch lá men	2 bậc	Bậc 3: 1 người
			Bậc 4: 1 người
...	...		

Từ năm 1982, cấp bậc công nhân công tác xây lắp (Định mức dự toán xây dựng cơ bản số 22-UBND ngày 12/4/1982 của Ủy ban Xây dựng cơ bản nhà nước) đã được phân cấp bậc công nhân theo 7 bậc (cấp bậc thợ bình quân, không chia nhỏ theo các loại nhân công tương ứng với từng cấp bậc thợ). Cấp bậc công nhân xây dựng được chia nhỏ và tính lẻ như: 2,5/7; 2,6/7; 2,7/7; 2,8/7; 2,9/7; 3,2/7; 3,7/7; 4,1/7; 4,2/7. Cấp bậc công nhân thấp nhất là bậc 2,0/7 tương ứng với công tác như: đào bùn; đào đất

để đắp; đắp cát bằng thủ công. Cấp bậc công nhân cao nhất là bậc 5,9/7 tương ứng với công tác Cốt thép thân đài nước, ống khói, silo. Việc phân cấp bậc công nhân 07 bậc cho các công tác xây dựng trong hệ thống định mức được tiếp tục kế thừa qua nhiều giai đoạn thời kỳ và luôn gắn đơn giá tiền lương, cụ thể:

+ Định mức dự toán xây dựng cơ bản số 208/BXD-VKT ngày 28/3/1989 (Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ

tiền lương của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang).

+ Định mức dự toán xây dựng cơ bản số 56/BXD-VKT và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/4/1994; Định mức dự toán xây dựng cơ bản số 1242/1998/QĐ-BXD có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/1999 (Bảng A.6. Xây dựng cơ bản tại Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp).

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng số 24/2005/QĐ-BXD ngày 29/7/2005; Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng công bố kèm theo văn bản số 1776/BXD-VP và Phần lắp đặt công bố kèm theo văn bản số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng (Bảng A.1.8 theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước).

Từ ngày 01/7/2013, Nghị định số 205/2004/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành theo Bộ luật Lao động. Hiện nay, về cơ bản hệ thống định mức dự toán xây dựng tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD và các Thông tư sửa đổi bổ sung đang sử dụng hệ thống cấp bậc thợ 07 bậc thợ bình quân làm cơ sở xác định hao phí nhân công và xác định đơn giá.

Bảng 2. Cấp bậc thợ bình quân trong các tập định mức dự toán xây dựng hiện tại (Thông tư số 12/2021/TT-BXD)

TT	Tên công tác	Cấp bậc thợ bình quân
1	Đào móng công trình thủ công	3,0/7
2	Đào khuôn, móng đường	3,0/7
3	Đắp đất	3,0/7
4	Thi công mặt đường nhựa	3,5/7
5	Xây móng	3,5/7
6	Xây tường thẳng	3,5/7
7	Trát tường	3,5/7
8	Trát trần nhà	4,0/7
9	Lát gạch chi, gạch lá men	3,5/7
...	...	

Từ quá trình khảo sát, phân tích cho thấy một số thực trạng về việc sử dụng cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng hiện nay như sau:

Một là, cấp bậc thợ quy định trong định mức là cấp bậc thợ bình quân (phổ biến là bậc 3,5/7) được xác định từ hệ thống cấp bậc thợ có 07 bậc theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Cấp bậc thợ quy định trong định mức xây dựng là cấp bậc thợ bình quân đã không phản ánh sát hao phí nhân công của loại thợ với tay nghề khác nhau đối với từng công tác (yêu cầu sử dụng các loại thợ như thợ có bậc nghề cao, cấp bậc nghề vừa phải và lao động phổ thông là khác nhau đối với công tác cụ thể). Do vậy, việc tính bình quân cấp bậc thợ có thể dẫn đến sự sai lệch của hao phí thời gian lao động của các loại thợ trong một công tác.

Hai là, sự phát triển của công nghệ xây dựng và tổ chức sản xuất xây dựng thực tế hiện nay đã có nhiều bước phát triển, máy và thiết bị thi công giữ vai trò chủ đạo trong tổ chức thi công. Trong khi đó, việc sử dụng sức người (nhân công) có xu hướng ngày càng giảm xuống, đồng nghĩa với trình độ tay nghề của người công nhân cũng nâng cao lên kèm theo đơn giá nhân công thực tế cũng cao hơn khiến cho công tác bố trí tổ đội, thành phần công nhân hoàn thành một công tác xây dựng trong thực tế có nhiều thay đổi so với trước đây.

Ba là, chưa có sự gắn kết giữa cấp bậc thợ trong hệ thống định mức (07 bậc) với chương trình đào tạo nghề trong các trường nghề hiện nay. Thực tiễn hiện nay, các trường đào tạo nghề xây dựng thường gắn với 03 trình độ: (1) Trình độ cao đẳng nghề; (2) Hệ Trung cấp nghề; (3) Hệ sơ cấp nghề. Quá trình khảo sát cho thấy, văn bằng tốt nghiệp cũng không thể hiện cấp bậc tay nghề 07 bậc.

Bốn là, cấp bậc thợ trong hệ thống định mức (07 bậc) chưa có sự tương thích nhất định với 05 bậc tay nghề theo Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng (Nề - Hoàn thiện; Cốp pha - Giàn giáo; Cốt thép - Hàn; Bê tông; Lắp đặt đường ống nước; Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ...).

Năm là, cấp bậc thợ trong hệ thống định mức (07 bậc) có sự khác biệt với thực tế sử dụng lao động và tổ chức thi công xây dựng. Tại các nhà thầu xây dựng (chủ thầu) hiện nay, việc quản lý và trả tiền lương cho công nhân xây dựng phổ biến theo trình độ tay nghề và kỹ năng, năng suất làm việc như: thợ phổ thông, thợ có tay nghề, thợ có tay nghề cao (thợ cày). Các nhà thầu trong nước về cơ bản không quản lý, trả tiền công theo cấp bậc thợ 07 bậc như trong hệ thống định mức mà thực hiện quản lý trả công theo tay nghề, khoán công việc, khoán tổ đội.

3. Lược khảo kinh nghiệm của một số nước về quản lý cấp bậc thợ xây dựng

Tại một số nước như Mỹ, Anh và các nước, vùng lãnh thổ theo hệ tiêu chuẩn này như Úc, Hồng Kông, Sri Lanka .. thì việc xác định chi phí xây dựng cơ bản được xác định căn cứ dữ liệu giá xây dựng do các Công ty tư vấn giá xây dựng có danh tiếng nghiên cứu và công bố từng kỳ. Hoặc căn cứ vào tư liệu giá xây dựng do họ tự tích lũy hoặc khai thác tư liệu của các Công ty tư vấn giá xây dựng để biên soạn tiêu chuẩn xác định giá xây dựng tương ứng. Một số nước có hệ thống định mức xây dựng (Nhật Bản, Trung Quốc...) thì qua nghiên cứu trong hệ thống định mức không có cấp bậc thợ như của Việt Nam.

a) Tại Nhật Bản

- Nhật Bản chia nhân công xây dựng thành các loại nhóm nhân công xây dựng để quản lý. Cụ thể các nhóm nhân công xây dựng được chia thành 51 nhóm nhân công, trong tổng số 51 loại nhân công thì có khoảng 13 loại phổ biến (*đốc công, công nhân đặc biệt, công nhân thường, thợ giàn giáo, thợ cốt thép, thợ ván khuôn, thợ bê tông, thợ xây, thợ hàn...*)

- Thành phần nhân công trong định mức xây dựng được chia theo cơ cấu tổ đội, từng công việc của công tác gắn với loại nhân công với đơn giá loại nhân công tương ứng được khảo sát từ thị trường. Hàng năm, Nhật Bản tiến hành khảo sát 160.000 đơn giá nhân công từ 13.000 gói thầu xây dựng hàng năm để xác định giá các loại nhân công xây dựng, phản ánh giá nhân công thực tế thị trường.

Bảng 3. Thành phần nhân công tổ đội thi công trong công tác đổ bê tông ở Nhật Bản

Định mức: 10m³

Thành phần nhân công	Đơn vị	Đốc công	Công nhân đặc biệt	Công nhân thường
Định mức	công	0,91	1,00	2,65

Bảng 4. Tổng hợp về phân loại công nhân ở Nhật Bản

TT	Loại nhân công	Lương (Yên/Ngày)	TT	Loại nhân công	Lương (Yên/Ngày)
1	Công nhân đặc biệt	19,899	27	Công nhân cầu đặc biệt	28,60
2	Công nhân thường	16,30	28	Thợ sơn cầu	28,90
3	Công nhân làm việc nhẹ	13,50	29	Đốc công cầu	35,20
4	Thợ lắp giàn giáo	21,70	30	Thuyền trưởng	26,10
5	Thợ điện	20,10	31	Thủy thủ	20,70
6	Thợ cốt thép	22,20	32	Thợ lặn	38,20
7	Thợ vận hành (đặc biệt)	19,50	33	Người giữ liên lạc công tác lặn	25,00



TT	Loại nhân công	Lương (Yên/Ngày)	TT	Loại nhân công	Lương (Yên/Ngày)
8	Thợ vận hành (thường)	16,60	34	Người tiếp dưỡng khí công tác lặn	24,00
9	Đốc công chung	21,00	35	Công nhân kiểm soát rừng và xói đất	-
10	Thợ ván khuôn	21,40	36	Công nhân đường sắt	27,40
11	Thợ lắp ráp	19,70	37	Thợ mộc	23,00
12	Người hướng dẫn giao thông A	12,70	38	Thợ trát	23,00
13	Người hướng dẫn giao thông	10,80	39	Công nhân đục	23,20
14	Công nhân làm cảnh quan	18,90	40	Công nhân làm chống thấm	24,10
15	Công nhân làm mái dốc	24,20	41	Công nhân gia công kim loại, thép	23,10
16	Thợ xây đá	-	42	Thợ ốp lát	-
17	Thợ xây khối bê tông	21,10	43	Công nhân làm khung cửa	23,10
18	Công nhân kết cấu thép	22,90	44	Công nhân làm mái	-
19	Thợ sơn	22,20	45	Công nhân làm nội thất	22,50
20	Thợ hàn	24,40	46	Công nhân lắp kính	20,30
21	Công nhân làm trong thùng chìm	32,20	47	Thợ làm cửa gỗ	-
22	Đốc công làm trong thùng chìm	38,20	48	Công nhân đường ống khí	19,50
23	Thợ khoan	25,90	49	Công nhân khối xây	22,70
24	Công nhân hầm đặc biệt	33,40	50	Công nhân bảo ôn	-
25	Công nhân hầm	25,60	51	Công nhân lắp đặt thiết bị	21,90
26	Đốc công hầm	34,30			

(Nguồn: Báo cáo hoàn thành Dự án tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng; JICA, 2024)

b) Tại Trung Quốc công hao phí là ngày công tổng hợp Trung Quốc (J 3254-2024) chỉ có 1 loại nhân công; chia thành 07 nhóm - Trong hệ thống định mức xây dựng công trình được ban hành tại Trung Quốc thì thành phần nhân công hao phí không phân chia thành các cấp bậc thợ. Ví dụ: Định mức đường sắt chất công việc.

Bảng 5. Định mức công tác ván khuôn và chống đỡ bê tông cốt thép đổ tại chỗ

Nội dung công việc: Vận chuyển trong và ngoài công trường, lắp đặt, tháo dỡ, vệ sinh ván khuôn, quét chất chống dính, tập kết tập trung, v.v.

Đơn vị m²

Định mức số					3-7	3-8	3-9	3-10	3-11	3-12
Hạng mục					Sàn		Tường		Sàn không dầm	Dầm tường
					Sàn phẳng	Sàn dốc	Hình chữ nhật	Hình tròn		
Danh mục			Đơn vị	Đơn giá (Đồng)	Số lượng					
Nhân công	870002	Công nhân xây dựng tổng hợp	công	83,2	0,445	0,417	0,46	0,366	0,388	0,708
Vật liệu	830075	Ván khuôn gỗ phủ phim	m ²	30	0,1297	0,1397	0,1819	0,1702	0,1283	0,1921
	030001	Gỗ ván khuôn	m ³	1900	0,0022	0,0091	0,0086	0,008	0,0018	0,0022
	100321	Dầu diesel	kg	8,98	0,1876	0,416	0,2419	0,2028	0,2987	0,327
	840027	Chi phí vật liệu phụ	đ		10,14	9,74	9,86	5,16	5,74	10,15
	840028	Chi phí thuê vật liệu	đ		2,54	2,44	3,45	4,1	11,77	0,13
	840004	Chi phí vật liệu khác	đ		0,34	0,56	0,56	0,47	0,41	0,35
Máy thi công	800102	Cần trục ô tô 16 tấn	ca	915,2	0,0001	0,001	0,0001	0,0017	0,002	0,0001
	800278	Xe tải 15 tấn	ca	392,9	0,0028	0,0067	0,0042	0,0025	0,004	0,0057
	840023	Chi phí máy thi công khác	đ		4	4,05	4,17	4	4,05	4,19

- Các tỉnh/thành đều có cơ chế ban hành công bố giá nhân công theo các loại, nhóm công nhân xây dựng trên thị trường thông qua Thông báo của Trạm Quản lý Giá xây dựng công trình của tỉnh, thành phố.
- Đơn giá ngày công lao động bao gồm thu nhập tiền lương, phí bảo hiểm xã hội, quỹ dự phòng nhà ở, quỹ công đoàn, quỹ giáo dục nhân viên, phúc lợi nhân viên và tiền lương trả trong những trường hợp đặc biệt.

Bảng 6. Thông báo đơn giá nhân công xây dựng của Trạm Quản lý Giá xây dựng công trình Thành phố Quảng Châu (tháng 8 năm 2024)

Mã số	Loại nhân công	Đơn giá nhân công (NDT/ngày)
0001001_01	Lao động phổ thông	210–275
0001001_02	Thợ mộc (ván khuôn)	300–360
0001001_03	Thợ sắt (cốt thép)	300–360
0001001_04	Bê tông	270–325
0001001_05	Thợ giàn giáo	300–355
0001001_06	Xây (gạch/khối)	280–340
0001001_07	Trát, lát	285–350
0001001_08	Thợ mộc hoàn thiện	295–360
0001001_09	Sơn	260–330
0001001_10	Hàn	280–350
0001001_11	Kim loại/lắp đặt sản phẩm	270–340
0001001_12	Kính	270–325
0001001_13	Chống thấm	260–335
0001001_14	Cầu nâng	265–310
0001001_15	Trát (phổ thông)	265–330
0001001_16	Ống (công tác ống)	265–320
0001001_17	Điện	250–325
0001001_18	Thông gió	260–330
0001001_19	Máy móc	260–325
0001001_20	Cây xanh, cảnh quan	245–305

4. Đề xuất một số định hướng hoàn thiện cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng phù hợp thị trường

4.1. Nguyên tắc sửa đổi quy định cấp bậc thợ trong hệ thống định mức

Việc sửa đổi quy định cấp bậc thợ trong hệ thống định mức, đơn giá nhân công hiện hành là cần thiết để phù hợp với quản lý thi công của các doanh nghiệp xây dựng, xu thế thị trường lao động và yêu cầu quản lý nhân công trong xây dựng hiện nay. Theo đó, việc sửa đổi quy định cấp bậc thợ trong hệ thống định mức – đơn giá nhân công xây dựng cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản sau đây nhằm đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động ngành xây dựng:

(1) Phù hợp với kỹ năng tay nghề và trình độ của lực lượng lao động ngành xây dựng hiện nay. Theo đó, hệ thống cấp bậc thợ cần phản ánh

phù hợp trình độ tay nghề, kỹ năng, kinh nghiệm thực tế của công nhân xây dựng, phù hợp xu hướng công nghệ xây dựng, phương pháp thi công hiện đại, không lạc hậu so với yêu cầu của ngành.

(2) Cấp bậc thợ cần có sự tương thích nhất định với quy định cấp bậc tay nghề đào tạo trong Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia, có sự gắn kết giữa cấp bậc thợ trong hệ thống định mức với chương trình đào tạo nghề trong các trường nghề hiện nay. Bảo đảm tính nhất quán trong các quy định của hệ thống pháp luật và quản lý lao động về đào tạo nghề, sát hạch – cấp chứng chỉ kỹ năng nghề, đánh giá năng lực lao động, tuyển dụng, trả lương, sử dụng để lập định mức, đơn giá nhân công xác định chi phí xây dựng.

(3) Cấp bậc thợ trong hệ thống định mức, đơn giá xây dựng cần tiệm

cận với thực tế sử dụng lao động và tổ chức thi công xây dựng phổ biến theo trình độ tay nghề và kỹ năng, năng suất làm việc, thực hiện quản lý trả công theo tay nghề, khoán công việc, khoán tổ đội.

(4) Bảo đảm phân loại hợp lý theo mức độ phức tạp và yêu cầu, tính chất thành phần công tác xây dựng gắn với năng suất lao động và đơn giá nhân công phù hợp. Có sự kết thừa với các hao phí định mức dự toán được cơ quan có thẩm quyền ban hành hiện tại để không gây xáo trộn quá lớn, làm gián đoạn quá trình xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các chủ thể. Đảm bảo sự ổn định trong khoảng thời gian dài.

(5) Quy định cấp bậc thợ trong hệ thống định mức cần đồng bộ với phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng. Việc quy định cấp



bậc thợ trong định mức cần đơn giản, thuận tiện sử dụng khi lập đơn giá xây dựng.

4.2. Đề xuất một số một số định hướng hoàn thiện cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng phù hợp thị trường

Căn cứ đánh giá thực trạng quy định, sử dụng cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng, xuất phát từ thực tế tổ chức thi công xây dựng và quy định đào tạo tay nghề người công nhân xây dựng hiện nay, bài viết đề xuất 02 định hướng thiện cấp bậc thợ trong hệ thống định mức xây dựng như sau:

a) Định hướng 1: Phương án giảm số lượng cấp bậc trong hệ thống định mức (từ 07 bậc xuống 05 bậc)

- Hệ thống 07 bậc thợ đã được áp dụng trong các định mức xây dựng từ rất lâu, gần như trở thành một chuẩn mực mặc định trong quản lý chi phí nhân công. Mỗi bậc thể hiện trình độ tay nghề, kinh nghiệm và mức độ phức tạp công việc mà công nhân có thể đảm nhận. Tuy nhiên, cùng với quá trình hội nhập, năm 2008 Bộ Xây dựng đã ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề trong lĩnh vực xây dựng (nề - hoàn thiện, cốp pha - giàn giáo, cốt thép - hàn, bê

tông, sản xuất gốm thô, gạch ceramic, sử vệ sinh, kính, quản lý cây xanh đô thị và chạm khắc đá). Điểm đáng chú ý là thay vì áp dụng hệ thống 07 bậc như trước, hầu hết các nghề này được chuẩn hóa theo 05 bậc kỹ năng, ngắn gọn hơn nhưng vẫn phản ánh đủ các mức độ tay nghề từ thấp đến cao.

- Đến năm 2015, Thông tư 56/2015/TT-BLĐTBXH đã quy định chi tiết về việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Trong văn bản này, hệ thống 05 bậc được khẳng định là tiêu chuẩn thống nhất. Điều này có nghĩa, xét về mặt kỹ năng nghề, Việt Nam đã chủ động tiếp cận theo khung chuẩn của ASEAN và nhiều nước phát triển, vốn cũng chỉ duy trì các thang bậc kỹ năng ở mức từ 3 -5 bậc thay vì kéo dài tới 7 bậc.

- Tuy nhiên, vẫn tồn tại việc các tập định mức xây dựng như: định mức xây dựng 1776 (ban hành năm 2007) và các văn bản sau đó như Thông tư 10/2019/TT-BXD hay Thông tư 12/2021/TT-BXD, hệ thống 07 bậc nhân công vẫn tiếp tục được duy trì và để phù hợp với thực tế thi công, Bộ Xây dựng đã quy về các bậc phổ biến như 3/7; 3,5/7; 4/7; 4,5/7 nhằm phản ánh sát hơn về hao phí nhân công, nhưng nhìn chung vẫn nằm trong

khung 07 bậc truyền thống.

- Trong hệ thống 05 bậc kỹ năng nghề đã được quy định, cách phân chia các mức độ khá rõ ràng và dễ hiểu:

Bậc 1: chủ yếu làm các công việc phụ, đơn giản → tương đương thợ phụ.

Bậc 2: thực hiện phần lớn các công việc cơ bản của nghề → tương đương thợ chính.

Bậc 3: thực hiện hầu hết các công việc trong nghề, bao gồm cả công việc phức tạp → tương đương thợ chính có kinh nghiệm.

Các bậc cao hơn (bậc 4, bậc 5) dành cho thợ lành nghề cao, có khả năng hướng dẫn, giám sát, đảm nhận công việc phức tạp.

Trong khi đó, hệ thống 07 bậc trong định mức hiện hành lại phân chia chi tiết hơn, nhưng cũng gây phức tạp cho khâu tính toán. Nhóm nhân công có bậc thấp nhất trong định mức thường là bậc 3/7, áp dụng cho công việc đơn giản, trong khi các mức 3,5/7; 4/7; 4,5/7 lại dùng cho nhóm công việc phức tạp hơn như bê tông, ván khuôn, hoàn thiện, ...

Vi vậy, sau khi phân tích, đánh giá mức độ tương đồng, đề xuất chuyển đổi từ 07 bậc sang 05 bậc theo nguyên tắc tương đương như sau:

Bậc thợ cũ (07 bậc)	Bậc thợ đề xuất chuyển đổi (05 bậc)
Bậc 3,0/7	Tương đương Bậc 2,0/5
Bậc 3,5/7	Tương đương Bậc 2,5/5
Bậc 4,0/7	Tương đương Bậc 3,0/5
Bậc 4,5/7	Tương đương Bậc 3,5/5

Việc chuyển đổi này giúp đơn giản hóa hệ thống, đồng thời đảm bảo tương thích với tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đã ban hành.

* **Ưu điểm:** dễ triển khai, ít xáo trộn hệ thống định mức hiện hành, tạo sự thống nhất giữa khung bậc kỹ năng và định mức.

* **Nhược điểm:** chưa phù hợp với thực tế thị trường lao động, việc xác định cấp bậc thợ trực tiếp hiện nay tại các công trình xây dựng chủ yếu thông qua trình độ tay nghề thực tế (thợ chính - thợ phụ) hơn là cấp bậc chi tiết.

b) Định hướng 2: Phương án quy định cấp bậc thợ theo trình độ tay nghề của người công nhân xây dựng (Thợ chính - Thợ nhân phụ).

- Một thay đổi quan trọng xuất hiện từ Thông tư 15/2019/TT-BXD, khi Bộ Xây dựng ban hành phương pháp khảo sát đơn giá nhân công để cho các địa phương công bố đơn giá nhân công. Thay vì áp dụng cứng nhắc theo thang 07 bậc, nhân công xây dựng bắt đầu được xác định dựa trên số liệu khảo sát thực tế tại địa phương, phản ánh đúng mức lương thị trường. Theo đó, hầu hết các công trình thực tế trả lương cho nhân công theo tay nghề thực tế, phân thành thợ chính và thợ phụ, thay vì phân chia chi tiết thành 7 bậc.

- Thông tư 13/2021/TT-BXD tiếp tục khẳng định phương pháp này, đồng thời quy định số lượng mẫu

khảo sát và nhóm nhân công cần điều chỉnh để phù hợp hơn với tình hình thực tế. Thực tế khảo sát tại các tỉnh như: Gia Lai, Phú Thọ, Hòa Bình, Bình Định, ... cho thấy:

Trong tổ đội thi công, thợ chính chiếm từ 65-70%, đảm nhận hầu hết công việc chính, đòi hỏi tay nghề.

Thợ phụ chiếm 30-35%, làm công việc hỗ trợ.

Điều này chứng minh hệ thống 7 bậc hiện hành không còn phù hợp, khi trên thực tế, thị trường đã đơn giản hóa thành hai nhóm chính - phụ.

- Kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số nước có hệ thống định mức xây dựng (Nhật Bản, Trung Quốc...) thì qua nghiên cứu trong hệ thống định

mức không có cấp bậc thợ như của Việt Nam. Xu thế quốc tế đều hướng tới giảm lược cấp bậc và tập trung phân loại theo nhóm công việc phù hợp tay nghề công nhân thực tế.

- Theo đó, thay vì duy trì hệ thống nhiều bậc, cần chuyển đổi sang hệ thống phân loại theo nhóm công việc và tay nghề, cụ thể:

Nhóm I: Nhóm các công việc đơn giản (*phát cây, phá dỡ, vận chuyển, đào đắp, bốc xúc, san ủi, nạo vét, đóng gói vật liệu rời...*) được phân chia thành tổ, đội gồm: nhân công chính, nhân công phụ.

Nhóm II: công việc kỹ thuật (bê tông, ván khuôn, hoàn thiện, ...) được phân chia thành tổ, đội gồm: nhân

công chính, nhân công phụ.

Việc xác định hao phí nhân công đầu vào sẽ dựa trên kết quả khảo sát thị trường thay vì quy đổi từ hệ số cấp bậc.

- Ví dụ công tác "Xây móng" trong Định mức dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD:

Mã Hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 60	> 60
AE.111	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,81	1,74
		<i>Máy thi công</i>			
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	
				10	20

Sau khi chuyển đổi như sau:

Đơn vị tính: 1m³

Mã Hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 60	> 60
AE.111	Xây móng	<i>Vật liệu</i>			
		Đá hộc	m ³	1,2	1,2
		Đá dăm	m ³	0,057	0,057
		Vữa	m ³	0,420	0,420
		<i>Nhân công</i>			
		<i>Công nhân chính</i>	công	1,21	1,16
<i>Công nhân phụ</i>	công	0,60	0,58		
	<i>Máy thi công</i>				
	Máy trộn vữa 150l	ca	0,053	0,053	
				10	20

* **Ưu điểm:** phản ánh đúng thực tế thị trường, tương đồng quốc tế, dễ khảo sát, dễ điều chỉnh định mức.

* **Nhược điểm:** thay đổi lớn, đòi hỏi nhiều thời gian và nguồn lực để triển khai đồng bộ.

Có thể thấy, **định hướng 1** là bước đi thận trọng, dễ triển khai, giữ ổn định hệ thống hiện hành và tạo sự thống nhất giữa khung bậc kỹ năng nghề và các quy định trong định mức xây dựng. Tuy nhiên, nhược điểm lớn nhất

là chưa giải quyết được khoảng cách giữa quy định và thực tế thị trường lao động, nơi mà việc trả lương vẫn chủ yếu dựa trên tay nghề thực tế (thợ chính – thợ phụ).

Trong khi đó, định hướng 2 tuy



mang tính thay đổi căn bản, là giải pháp chiến lược dài hạn, cần nhiều thời gian để triển khai và điều chỉnh, nhưng lại phản ánh đúng thực tiễn, phù hợp với xu hướng quốc tế, giúp đơn giản hóa hệ thống và minh bạch

hơn trong xác định chi phí nhân công. Đây là giải pháp bền vững, lâu dài, giúp định mức xây dựng Việt Nam tiến gần hơn với chuẩn mực quốc tế, đồng thời giảm gánh nặng cho công tác tính toán dự toán xây dựng.

Vi vậy, nhóm nghiên cứu cho rằng nên ưu tiên chọn định hướng 2 - quy định cấp bậc theo tay nghề (thợ chính - thợ phụ) kết hợp phân loại theo nhóm công việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- [2] Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- [3] Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng.
- [4] Quyết định số 2038/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng.
- [5] Báo cáo hoàn thành Dự án tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng; JICA, 2024.
- [6] Đề án "Đổi mới cơ chế quản lý chi phí trong đầu tư xây dựng công trình" (2006).
- [7] Tiêu chuẩn GB/T 50875-2013 "Standard glossary of project costs" - Bộ Nhà ở và Phát triển Nông thôn - Thành thị Trung Quốc.

